

Bản án số: 215/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2022
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Duy Thương;
bà Lê Thị Xuân Đào.

Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 486/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phạm Huy P, sinh năm 1983

Địa chỉ: 55 H, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. *Bị đơn:* bà Phan Thị Thùy D, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 302 tầng 3 chung cư 44 bis P, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: ấp C, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(ông P và bà D xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2022 và những lời khai của ông Phạm Huy P trình bày:

Ông và bà Phan Thị Thùy D chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Phan Thị Thùy D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: ông P xác định có 03 con chung là Phạm Tùng L, sinh ngày 27/11/2008, Phạm Nam H, sinh ngày 23/10/2011 và Phạm Uy V, sinh ngày 02/9/2013. Khi ly hôn ông P đồng ý giao các con chung cho bà D

trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho mỗi người con là 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: ông P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phan Thị Thùy D có lời trình bày tại bản tự khai như sau: bà thống nhất theo lời trình bày của ông P về điều kiện, thời gian chung sống cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do bà và ông P tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà đồng ý ly hôn với ông Phạm Huy P.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà D xác định có 03 con chung là Phạm Tùng L, sinh ngày 27/11/2008, Phạm Nam H, sinh ngày 23/10/2011 và Phạm Uy V, sinh ngày 02/9/2013 hiện nay do bà D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông P là 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: bà D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến của Phạm Tùng L, Phạm Nam H và Phạm Uy V thì có nguyện vọng sống với bà D khi ông P và bà D ly hôn với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Huy P nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*” được quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Phan Thị Thùy D có địa chỉ tạm trú tại xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Ông Phạm Huy P khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với bà Phan Thị Thùy D nên ông P được xác định là nguyên đơn, bà D là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Phạm Huy P và bà Phan Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà D.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà D có cung cấp cho Tòa án văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân của bà D có nội dung chưa đăng ký kết hôn với ai nên hôn nhân giữa ông P và bà D vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: ông Phạm Huy P và bà Phan Thị Thùy D chung sống như vợ chồng từ năm 2007 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà D vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận là vợ chồng.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: ông P và bà D thống nhất xác định có 03 con chung là Phạm Tùng L, sinh ngày 27/11/2008, Phạm Nam H, sinh ngày 23/10/2011 và Phạm Uy V, sinh ngày 02/9/2013 hiện nay do bà D đang nuôi dưỡng và đồng ý để bà D trực tiếp nuôi các con chung sau khi ly hôn, đồng thời tại các văn bản trình bày ý kiến của Tùng L, Nam H và Uy V thì có nguyện vọng sống với bà D khi ông P và bà D ly hôn với nhau. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao các con chung là Tùng L, Nam H và Uy V cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông P và bà D thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông P là 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng) cho mỗi người con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: ông P và bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thay đổi nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Phạm Huy P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 226, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Điều 86, Điều 107, Điều 108 và Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Huy P đối với bà Phan Thị Thùy D.

Về hôn nhân: không công nhận ông Phạm Huy P và bà Phan Thị Thùy D là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: bà Phan Thị Thùy D được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Tùng L, sinh ngày 27/11/2008, Phạm Nam H, sinh

ngày 23/10/2011 và Phạm Uy V, sinh ngày 02/9/2013 hiện nay do bà D đang nuôi dưỡng. Ông Phạm Huy tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi người con là 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Ông P được quyền tới lui thăm non và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà D thống nhất xác định không có.

2. Về án phí: ông Phạm Huy P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006651 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành. Ông P còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Bình An